

Số: 32 /2017/QĐ-UBND Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 7 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định về quản lý và sử dụng
vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi
của các nhà tài trợ nước ngoài của thành phố Hồ Chí Minh**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Ký kết, gia nhập và thực hiện điều ước quốc tế ngày 14
tháng 6 năm 2005;*

Căn cứ Luật Quản lý nợ công ngày 17 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2015 của
Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;*

*Căn cứ Nghị định số 131/2015/NĐ-CP ngày 25 tháng 12 năm 2015 của
Chính phủ hướng dẫn về dự án quan trọng quốc gia;*

*Căn cứ Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2015 của
Chính phủ hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;*

*Căn cứ Nghị định số 16/2016/NĐ-CP ngày 16 tháng 3 năm 2016 của
Chính phủ về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn
vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài;*

*Căn cứ Thông tư số 12/2016/TT-BKHĐT ngày 08 tháng 8 năm 2016 của
Bộ Kế hoạch và Đầu tư về hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số
16/2016/NĐ-CP ngày 16 tháng 3 năm 2016 của Chính phủ về quản lý và sử
dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của các nhà tài
trợ nước ngoài;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số
6127/TTr-SKHĐT ngày 23 tháng 6 năm 2017; ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp
tại Công văn số 5064/STP-VB ngày 07 tháng 6 năm 2017.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài của thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 8 năm 2017.

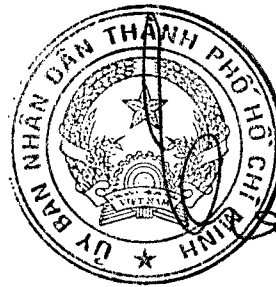
Điều 3. Quyết định này thay thế Quyết định số 13/2009/QĐ-UBND ngày 03 tháng 02 năm 2009 ban hành Quy định về quản lý và sử dụng nguồn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) của thành phố và Quyết định số 06/2010/QĐ-UBND ngày 23 tháng 01 năm 2010 về sửa đổi, bổ sung Quy định về quản lý và sử dụng nguồn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) của thành phố Hồ Chí Minh ban hành kèm theo Quyết định số 13/2009/QĐ-UBND ngày 03 tháng 02 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Sở Xây dựng, Giám đốc Sở Giao thông vận tải, Giám đốc Sở Công Thương, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông, Giám đốc Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Công an thành phố, Giám đốc Sở Tư pháp, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Kho bạc Nhà nước thành phố, Thủ trưởng các sở - ban - ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện, Tổng Giám đốc và Giám đốc các doanh nghiệp nhà nước thuộc thành phố và các chủ dự án chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Bộ Xây dựng;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực HĐND.TP;
- TTUB: CT, các PCT;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam TP;
- Văn phòng Thành ủy và các Ban Thành ủy;
- Các Ban Hội đồng nhân dân thành phố;
- Các đoàn thể thành phố;
- VPUB: các PVP;
- Các Phòng CV, TTCB;
- Lưu: VT, (DA/LDH) TV. JTT

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Thành Phong

QUY ĐỊNH

**Về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA)
và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài
của thành phố Hồ Chí Minh**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 32 /2017/QĐ-UBND
ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Ủy ban nhân dân thành phố)*

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quyết định này quy định về công tác quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của Chính phủ nước ngoài, các tổ chức quốc tế, các tổ chức liên Chính phủ hoặc liên quốc gia, tổ chức chính phủ được chính phủ nước ngoài ủy quyền (sau đây gọi chung là nhà tài trợ) cung cấp cho Nhà nước hoặc Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam mà đơn vị trực tiếp tiếp nhận các vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi là Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.

2. Các chương trình, dự án sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh bao gồm:

a) Các chương trình, dự án sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi do Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh là cơ quan chủ quản.

b) Các chương trình, dự án sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi thành phần thuộc các chương trình, dự án sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của các Bộ, ngành Trung ương do Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh là cơ quan chủ quản.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Đối tượng áp dụng là các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc liên quan đến các hoạt động thuộc phạm vi điều chỉnh của Quyết định này.

Điều 3. Cơ sở vận động và thu hút ODA của thành phố Hồ Chí Minh

1. Chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của thành phố.

2. Chiến lược nợ công và nợ nước ngoài của quốc gia giai đoạn 2011 - 2020 và tầm nhìn đến năm 2030.

3. Đề án định hướng thu hút, quản lý và sử dụng ODA và vốn vay ưu đãi trong từng thời kỳ.

4. Các chương trình mục tiêu quốc gia và các chương trình mục tiêu của thành phố.

5. Chương trình, chiến lược và định hướng hợp tác giữa Việt Nam với các nhà tài trợ.

Điều 4. Vận động vốn ODA, vốn vay ưu đãi

1. Căn cứ chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển và nhu cầu vốn ODA, vốn vay ưu đãi của thành phố Hồ Chí Minh, khả năng tổ chức thực hiện, khả năng bố trí nguồn lực, Sở Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan đầu mối giúp Ủy ban nhân dân thành phố thực hiện công tác vận động ODA. Sở Kế hoạch và Đầu tư có nhiệm vụ:

a) Chuẩn bị nội dung, tổ chức hoặc phối hợp tổ chức các hội nghị vận động ODA của thành phố theo quy định hiện hành về tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế.

b) Phối hợp với các cơ quan có liên quan làm việc với các nhà tài trợ nhằm vận động ODA cho các chương trình, dự án.

c) Là đầu mối cung cấp thông tin về danh mục chương trình, dự án vận động ODA và tình hình thực hiện ODA của thành phố đến các Bộ, ngành Trung ương và nhà tài trợ trong quá trình vận động.

2. Các ngành, các đơn vị có chương trình, dự án đề nghị tài trợ có trách nhiệm phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư chuẩn bị nội dung về chương trình, dự án vận động tài trợ. Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố thực hiện việc công bố báo cáo về các kết quả hội nghị vận động ODA trên Trang thông tin điện tử của thành phố.

Chương II

TRÌNH TỰ LẬP ĐỀ XUẤT, THẨM ĐỊNH, QUYẾT ĐỊNH CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ CHƯƠNG TRÌNH DỰ ÁN

Điều 5. Đề xuất chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi

1. Căn cứ vào lĩnh vực ưu tiên và các nguyên tắc vận động ODA nêu tại Điều 5 và Điều 6 của Nghị định số 16/2016/NĐ-CP ngày 16 tháng 3 năm 2016 của Chính phủ về Quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài (sau đây gọi tắt là Nghị định số 16/2016/NĐ-CP); Ủy ban nhân dân thành phố chỉ đạo một cơ quan, đơn vị trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố (sau đây gọi là đơn vị trực thuộc) chuẩn bị Đề xuất chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi theo Phụ lục II của Nghị định số 16/2016/NĐ-CP.

2. Đơn vị trực thuộc chuẩn bị 10 bộ Đề xuất chương trình, dự án bằng hai thứ tiếng (Việt và Anh) gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, tham mưu cho Ủy ban nhân dân thành phố.

3. Đối với Đề xuất chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi có kèm theo dự án hỗ trợ kỹ thuật đi kèm để chuẩn bị chương trình, dự án vốn vay, đơn vị trực thuộc chuẩn bị 10 bộ Đề xuất chương trình, dự án vốn vay và Đề xuất dự án hỗ trợ kỹ thuật để nộp cho Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp theo Khoản 2 Điều này.

4. Sở Kế hoạch và Đầu tư trình Ủy ban nhân dân thành phố 08 bộ Đề xuất chương trình, dự án nêu trên đồng thời dự thảo văn bản cho Ủy ban nhân dân thành phố gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư xem xét theo quy trình nêu tại điểm a và điểm b Khoản 3 Điều 13 của Nghị định số 16/2016/NĐ-CP.

Điều 6. Trình tự thủ tục lập, thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn chương trình, dự án

1. Đơn vị trực thuộc được giao lập Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư chuẩn bị 08 bộ hồ sơ thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn chương trình, dự án theo quy định tại Khoản 1 Điều 21 Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Chính phủ hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công (sau đây gọi tắt là Nghị định số 136/2015/NĐ-CP) gồm:

a) Tờ trình đề nghị thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn gửi cơ quan được phân công thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn (theo mẫu số 02 phụ lục III Nghị định số 136/2015/NĐ-CP);

b) Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi dự án nhóm A, Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu, dự án nhóm B, nhóm C (theo mẫu số 03, 04 phụ lục II Nghị định số 136/2015/NĐ-CP);

c) Báo cáo thẩm định nội bộ Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư chương trình, dự án;

d) Các tài liệu liên quan đến vốn ODA, vốn vay ưu đãi được quy định tại Khoản 1 Điều 6 Thông tư số 12/2016/TT-BKHĐT ngày 08 tháng 8 năm 2016 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 16/2016/NĐ-CP ngày 16 tháng 3 năm 2016 của Chính phủ về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài (sau đây gọi tắt là Thông tư số 12/2016/TT-BKHĐT).

2. Đơn vị trực thuộc nộp hồ sơ nêu trên cho Sở Kế hoạch và Đầu tư tổ chức thẩm định. Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và các cơ quan có liên quan tổ chức thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn chương trình, dự án do thành phố quản lý theo quy định tại Khoản 3 Điều 38 Luật Đầu tư công về phân cấp thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn chương trình, dự án.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn của chương trình, dự án với các nội dung được quy định tại Điều 25 Nghị định số 136/2015/NĐ-CP theo thời gian thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn đầu tư chương trình, dự án được quy định tại Khoản 2 Điều 26 Nghị định số 136/2015/NĐ-CP.

4. Sau khi thẩm định, Sở Kế hoạch và Đầu tư có Báo cáo thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn (theo mẫu 05, 06 phụ lục III Nghị định số 136/2015/NĐ-CP) gửi Hội đồng thẩm định thành phố và Đơn vị trực thuộc.

Điều 7. Thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư, dự án

1. Quốc hội quyết định chủ trương đầu tư chương trình mục tiêu quốc gia, dự án quan trọng quốc gia sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi.

2. Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư chương trình mục tiêu sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi.

3. Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi trong các trường hợp không quy định tại Khoản 1, 2 Điều này, bao gồm:

a) Chương trình, dự án sử dụng vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi;

b) Chương trình, dự án, phi dự án sử dụng vốn ODA viện trợ không hoàn lại trong các trường hợp sau: chương trình, dự án đầu tư nhóm A và nhóm B; chương trình, dự án ô; chương trình, dự án, phi dự án kèm theo khung chính sách; chương trình, dự án, phi dự án trong lĩnh vực an ninh, quốc phòng, tôn giáo; chương trình tiếp cận theo ngành; dự án hỗ trợ kỹ thuật chuẩn bị chương trình, dự án vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi; dự án hỗ trợ kỹ thuật có quy mô vốn tài trợ tương đương từ 2 triệu đô la Mỹ trở lên; viện trợ mua sắm các loại hàng hóa thuộc diện phải được Thủ tướng Chính phủ cho phép; sự tham gia của Việt Nam vào chương trình, dự án khu vực;

c) Hỗ trợ ngân sách.

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án, phi dự án sử dụng vốn ODA viện trợ không hoàn lại nhóm C và dự án hỗ trợ kỹ thuật có quy mô vốn tài trợ tương đương nhỏ hơn 2 triệu đô la Mỹ.

Điều 8. Hồ sơ thẩm định Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư chương trình, dự án

Đối với các Đề xuất chương trình, dự án có văn bản thông báo được lựa chọn, đơn vị lập Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi hoặc Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư chương trình, dự án theo Điều 5 của Thông tư số 12/2016/TT-BKHĐT.

Điều 9. Trình tự, thủ tục lập, thẩm định, quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi

1. Trình tự thủ tục quyết định chủ trương đầu tư đối với chương trình mục tiêu quốc gia, dự án quan trọng quốc gia và chương trình mục tiêu sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi:

a) Đơn vị trực thuộc chuẩn bị hồ sơ thẩm định theo quy định tại Khoản 1 Điều 13 Nghị định số 131/2015/NĐ-CP ngày 25 tháng 12 năm 2015 của Chính phủ hướng dẫn về dự án quan trọng quốc gia (sau đây gọi tắt là Nghị định số 131/2015/NĐ-CP) gồm:

- Tờ trình thẩm định (theo mẫu số 01 phụ lục III Nghị định số 136/2015/NĐ-CP);

- Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư (theo mẫu IIIa Nghị định số 16/2016/NĐ-CP). Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi (theo mẫu IIIb Nghị định số 16/2016/NĐ-CP);

- Bản sao văn bản của Bộ Kế hoạch và Đầu tư gửi cơ quan chủ quản thông báo về việc cấp có thẩm quyền cho phép cơ quan chủ quản lập Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi hoặc Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư;

- Bản sao tài liệu làm việc với nhà tài trợ nước ngoài về chương trình, dự án (nếu có);

- Các tài liệu khác có liên quan.

b) Đơn vị trực thuộc nộp hồ sơ nêu trên cho Sở Kế hoạch và Đầu tư để thẩm định.

c) Đơn vị trực thuộc hoàn thiện Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi theo ý kiến góp ý của Sở Kế hoạch và Đầu tư và gửi lại Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm định các nội dung theo quy định tại Điều 16 Nghị định số 131/2015/NĐ-CP với thời gian thẩm định không quá 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

d) Sau khi thẩm định, Sở Kế hoạch và Đầu tư có Báo cáo thẩm định nội bộ theo mẫu số 04 phụ lục III Nghị định số 136/2015/NĐ-CP gửi lại cho đơn vị trực thuộc.

e) Đơn vị trực thuộc tập hợp hồ sơ gồm:

- Dự thảo Tờ trình cho Ủy ban nhân dân thành phố trình Thủ tướng Chính phủ (theo mẫu số 01 phụ lục II Nghị định số 136/2015/NĐ-CP);

- Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi đã hoàn chỉnh theo báo cáo thẩm định của Sở Kế hoạch và Đầu tư;

- Báo cáo thẩm định nội bộ của Sở Kế hoạch và Đầu tư;

- Các tài liệu khác có liên quan.

g) Đơn vị trực thuộc gửi bộ hồ sơ nêu trên về Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp tham mưu cho Ủy ban nhân dân thành phố trình Thủ tướng Chính phủ thẩm định trình Quốc hội, Chính phủ xem xét, quyết định chủ trương đầu tư theo quy định tại Điều 19 và Điều 22 của Luật Đầu tư công.

h) Đơn vị trực thuộc hoàn chỉnh Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi theo đúng ý kiến thẩm định của Hội đồng thẩm định do Thủ tướng Chính phủ thành lập và báo cáo gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố trình Thủ tướng Chính phủ theo quy định.

2. Trình tự thủ tục quyết định chủ trương đầu tư đối với dự án nhóm A sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi:

a) Đơn vị trực thuộc chuẩn bị hồ sơ thẩm định theo quy định tại Khoản 1 Điều 20 Nghị định số 136/2015/NĐ-CP gồm:

- Tờ trình đề nghị cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án (theo mẫu số 01 phụ lục III Nghị định số 136/2015/NĐ-CP);
- Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi dự án nhóm A (theo mẫu Phụ lục IIIb Nghị định số 16/2016/NĐ-CP);
- Báo cáo thẩm định nội bộ;
- Báo cáo kết quả thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn của cơ quan có thẩm quyền;
- Bản sao văn bản của Bộ Kế hoạch và Đầu tư gửi cơ quan chủ quản thông báo về việc cấp có thẩm quyền cho phép cơ quan chủ quản lập Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi hoặc Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư;
- Bản sao tài liệu làm việc với nhà tài trợ nước ngoài về chương trình, dự án (nếu có);
- Các tài liệu liên quan khác.

b) Đơn vị trực thuộc nộp hồ sơ nêu trên cho Hội đồng thẩm định thành phố - Sở Kế hoạch và Đầu tư là Thường trực Hội đồng để thẩm định.

c) Đơn vị trực thuộc hoàn chỉnh Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi theo đúng ý kiến thẩm định của Hội đồng thẩm định thành phố và nộp lại Hội đồng để thẩm định các nội dung quy định tại Điều 24 Nghị định số 136/2015/NĐ-CP với thời gian thẩm định được quy định tại Khoản 1 Điều 26 Nghị định số 136/2015/NĐ-CP.

d) Sau khi thẩm định, Hội đồng thẩm định thành phố có Báo cáo kết quả thẩm định Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi dự án nhóm A theo mẫu số 04 phụ lục III Nghị định số 136/2015/NĐ-CP gửi Ủy ban nhân dân thành phố và dự thảo văn bản cho Ủy ban nhân dân thành phố trình Hội đồng nhân dân thành phố cho ý kiến.

e) Sau khi có ý kiến của Hội đồng nhân dân thành phố, đơn vị trực thuộc dự thảo văn bản cho Ủy ban nhân dân thành phố trình Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án với hồ sơ gồm:

- Dự thảo Tờ trình quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án (theo mẫu số 01 phụ lục II Nghị định số 136/2015/NĐ-CP);
- Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi dự án nhóm A đã được hoàn chỉnh theo Báo cáo kết quả thẩm định của Hội đồng thẩm định thành phố;
- Báo cáo kết quả thẩm định của Hội đồng thẩm định thành phố;
- Báo cáo thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn của cơ quan có thẩm quyền.

g) Đơn vị trực thuộc hoàn chỉnh Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi theo ý kiến thẩm định của Hội đồng thẩm định do Thủ tướng Chính phủ thành lập và Báo cáo gửi Hội đồng thẩm định thành phố xem xét, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố trình Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư.

3. Trình tự thủ tục quyết định chủ trương đầu tư đối với chương trình, dự án, phi dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi khác thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ, trừ Khoản 2 Điều này:

a) Đơn vị trực thuộc chuẩn bị hồ sơ thẩm định theo quy định tại Khoản 1 Điều 20 Nghị định số 136/2015/NĐ-CP gồm:

- Tờ trình đề nghị cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án (theo mẫu số 01 phụ lục III Nghị định số 136/2015/NĐ-CP);
- Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án theo mẫu Phụ lục IIIc hoặc Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư phi dự án theo mẫu Phụ lục IV của Nghị định số 16/2016/NĐ-CP;
- Báo cáo thẩm định nội bộ;
- Báo cáo kết quả thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn của cơ quan có thẩm quyền;
- Bản sao văn bản của Bộ Kế hoạch và Đầu tư gửi cơ quan chủ quản thông báo về việc cấp có thẩm quyền cho phép cơ quan chủ quản lập Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi hoặc Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư;
- Bản sao tài liệu làm việc với nhà tài trợ nước ngoài về chương trình, dự án (nếu có);
- Các tài liệu liên quan khác.

b) Đơn vị trực thuộc nộp hồ sơ nêu trên cho Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, tham mưu cho Ủy ban nhân dân thành phố có văn bản kèm theo hồ sơ gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư thẩm định theo quy định tại Điều 16 Nghị định số 16/2016/NĐ-CP.

4. Trình tự, thủ tục quyết định chủ trương đầu tư đối với chương trình, dự án, phi dự án sử dụng vốn ODA viện trợ không hoàn lại thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố:

a) Đơn vị trực thuộc chuẩn bị hồ sơ thẩm định theo quy định tại khoản 1 Điều 20 Nghị định số 136/2015/NĐ-CP gồm:

- Tờ trình đề nghị cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án (theo mẫu số 01 phụ lục III Nghị định số 136/2015/NĐ-CP);
- Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án theo mẫu Phụ lục IIIc của Nghị định số 16/2016/NĐ-CP;
- Báo cáo thẩm định nội bộ;
- Báo cáo kết quả thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn của cơ quan có thẩm quyền;
- Bản sao văn bản của Bộ Kế hoạch và Đầu tư gửi cơ quan chủ quản thông báo về việc cấp có thẩm quyền cho phép cơ quan chủ quản lập Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi hoặc Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư;
- Bản sao tài liệu làm việc với nhà tài trợ nước ngoài về chương trình, dự án (nếu có);
- Các tài liệu liên quan khác.

b) Đơn vị trực thuộc nộp hồ sơ nêu trên cho Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, tham mưu cho Ủy ban nhân dân thành phố có văn bản kèm theo Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư gửi lấy ý kiến Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính và các cơ quan có liên quan về chủ trương đầu tư chương trình, dự án.

c) Căn cứ ý kiến các cơ quan; Đơn vị trực thuộc hoàn chỉnh lại hồ sơ và gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư để thẩm định các nội dung quy định tại Điều 24 Nghị định số 136/2015/NĐ-CP với thời gian thẩm định được quy định tại Khoản 1 Điều 26 Nghị định số 136/2015/NĐ-CP.

d) Sau khi thẩm định, Sở Kế hoạch và Đầu tư có Báo cáo kết quả thẩm định Báo cáo đề xuất theo mẫu số 04 phụ lục III Nghị định số 136/2015/NĐ-CP kèm Tờ trình trình Ủy ban nhân dân thành phố quyết định chủ trương đầu tư theo quy định tại Điều 17 của Nghị định số 16/2016/NĐ-CP gồm:

- Tờ trình quyết định chủ trương đầu tư (theo mẫu 01 phụ lục II Nghị định số 136/2015/NĐ-CP).

- Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư của Đơn vị trực thuộc đã hoàn chỉnh lại theo Báo cáo thẩm định của Sở Kế hoạch và Đầu tư.

- Báo cáo kết quả thẩm định của Sở Kế hoạch và Đầu tư.

Điều 10. Các hoạt động thực hiện trước

Thực hiện theo Điều 19 của Nghị định số 16/2016/NĐ-CP.

Điều 11. Điều chỉnh nội dung Quyết định chủ trương đầu tư

Trong trường hợp phải điều chỉnh nội dung Quyết định chủ trương đầu tư, đơn vị trực thuộc phối hợp cùng Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu cho Ủy ban nhân dân thành phố trình Bộ Kế hoạch và Đầu tư theo quy định tại Điều 21 của Nghị định số 16/2016/NĐ-CP.

Chương III

TRÌNH TỰ LẬP, THẨM ĐỊNH, QUYẾT ĐỊNH ĐẦU TƯ CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN

Điều 12. Quyết định cơ quan, đơn vị lập văn kiện chương trình, dự án

Sau khi có Quyết định chủ trương đầu tư của cấp có thẩm quyền và văn bản cam kết tài trợ của nhà tài trợ, trong thời hạn 05 ngày làm việc, Sở Kế hoạch và Đầu tư phối hợp với Sở quản lý chuyên ngành đề xuất trình Ủy ban nhân dân thành phố ban hành quyết định về chủ chương trình, dự án (gọi chung là chủ dự án) với những nội dung chính:

a) Tên chương trình, dự án hoặc viện trợ phi dự án;

b) Tên chủ dự án;

c) Thông tin cơ bản của chủ dự án;

d) Nhiệm vụ và quyền hạn của chủ dự án trong việc chuẩn bị, thẩm định, phê duyệt văn kiện chương trình, dự án hoặc viện trợ phi dự án theo quy định tại Điều 23 của Nghị định số 16/2016/NĐ-CP.

Điều 13. Nhiệm vụ của chủ dự án

1. Chủ dự án có nhiệm vụ phối hợp với nhà tài trợ trong việc chuẩn bị, lập văn kiện chương trình, dự án bảo đảm nội dung, chất lượng và tiến độ theo quy định hiện hành. Văn kiện chương trình, dự án được xây dựng trên cơ sở các nội dung của Quyết định chủ trương đầu tư đã được phê duyệt.

Nội dung văn kiện chương trình, dự án thực hiện theo quy định tại Điều 27 của Nghị định số 16/2016/NĐ-CP.

Trong trường hợp văn kiện chương trình, dự án được xây dựng theo mẫu của nhà tài trợ, các nội dung nêu trên phải được chủ dự án tính đến trong quá trình phối hợp với nhà tài trợ lập văn kiện này, bảo đảm hài hòa quy trình, thủ tục giữa Việt Nam và nhà tài trợ.

2. Chủ dự án có nhiệm vụ hoàn tất hồ sơ để thực hiện các thủ tục về thẩm định và phê duyệt văn kiện chương trình, dự án theo quy định tại Điều 28 của Nghị định số 16/2016/NĐ-CP.

3. Chủ dự án chịu trách nhiệm lập kế hoạch vốn chuẩn bị đầu tư để tổng hợp vào kế hoạch ngân sách chung hàng năm của thành phố.

Điều 14. Thẩm quyền phê duyệt văn kiện chương trình, dự án và quyết định đầu tư chương trình, dự án (theo Điều 25 của Nghị định số 16/2016/NĐ-CP)

1. Thủ tướng Chính phủ phê duyệt văn kiện chương trình, dự án và quyết định đầu tư chương trình, dự án sau:

a) Chương trình mục tiêu quốc gia, dự án quan trọng quốc gia đã được Quốc hội quyết định chủ trương đầu tư;

b) Chương trình mục tiêu đã được Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư;

c) Chương trình kèm theo khung chính sách; chương trình, dự án trong lĩnh vực an ninh, quốc phòng, tôn giáo đã được quyết định chủ trương đầu tư.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt văn kiện chương trình, dự án và quyết định đầu tư chương trình, dự án sau:

a) Dự án đầu tư sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi nhóm A, B, C;

b) Dự án Hỗ trợ kỹ thuật;

c) Phi dự án.

Điều 15. Trình tự lập, thẩm định, quyết định đầu tư chương trình dự án

1. Đối với chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu, dự án quan trọng quốc gia, dự án khác sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ:

a) Sau khi có quyết định chủ trương đầu tư, chủ dự án phối hợp với nhà tài trợ nước ngoài lập văn kiện chương trình, dự án gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, tham mưu cho Ủy ban nhân dân thành phố có văn bản kèm theo văn kiện chương trình, dự án gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Bộ Tài chính có ý kiến.

b) Chủ dự án có trách nhiệm hoàn chỉnh văn kiện chương trình, dự án theo ý kiến góp ý của Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Bộ Tài chính và lập hồ sơ thẩm định theo quy định tại Điều 28 của Nghị định số 16/2016/NĐ-CP gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, tham mưu cho Ủy ban nhân dân thành phố có Tờ trình kèm theo Hồ sơ thẩm định văn kiện chương trình, dự án gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư để tiến hành thủ tục thẩm định theo quy định tại Điều 26 của Nghị định số 16/2016/NĐ-CP.

2. Đối với chương trình, dự án đầu tư thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố:

a) Trình tự lập, thẩm định, quyết định đầu tư chương trình, dự án đầu tư sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi có cấu phần xây dựng:

- Sau khi có quyết định chủ trương đầu tư, chủ dự án phối hợp với nhà tài trợ nước ngoài lập Báo cáo nghiên cứu khả thi theo mẫu phụ lục VI của Nghị định số 16/2016/NĐ-CP gửi Sở Xây dựng, Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành tổ chức thẩm định.

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, cơ quan chủ trì thẩm định tiến hành thẩm định, lấy ý kiến góp ý của các cơ quan liên quan về nội dung văn kiện chương trình, dự án. Các cơ quan được lấy ý kiến thẩm định có trách nhiệm trả lời bằng văn bản trong thời hạn 12 ngày làm việc.

Các cơ quan hữu quan tham gia thẩm định chịu trách nhiệm về nội dung chương trình, dự án liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của mình theo quy định của pháp luật.

- Cơ quan chủ trì thẩm định gửi báo cáo kết quả thẩm định cho Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp hồ sơ liên quan trình Ủy ban nhân dân thành phố xem xét có văn bản kèm theo văn kiện chương trình, dự án gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Bộ Tài chính lấy ý kiến thẩm định.

- Chủ dự án có trách nhiệm hoàn chỉnh văn kiện chương trình, dự án theo ý kiến góp ý của Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Bộ Tài chính và lập hồ sơ thẩm định theo quy định tại Điều 28 của Nghị định số 16/2016/NĐ-CP gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt quyết định đầu tư chương trình, dự án theo quy định.

b) Trình tự lập, thẩm định, quyết định đầu tư chương trình, dự án đầu tư sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi không có cấu phần xây dựng:

- Sau khi có quyết định chủ trương đầu tư, chủ dự án phối hợp với nhà tài trợ nước ngoài lập Báo cáo nghiên cứu khả thi theo mẫu phụ lục V của Nghị định số 16/2016/NĐ-CP gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm định, trình Ủy ban nhân dân thành phố có văn bản kèm theo văn kiện chương trình, dự án gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Bộ Tài chính lấy ý kiến thẩm định.

- Chủ dự án có trách nhiệm hoàn chỉnh văn kiện chương trình, dự án theo ý kiến góp ý của Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Bộ Tài chính và lập hồ sơ thẩm định theo quy định tại Điều 28 của Nghị định số 16/2016/NĐ-CP gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư tổ chức thẩm định.

- Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp cùng các cơ quan khác có liên quan tổ chức thẩm định và lập báo cáo kết quả thẩm định trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố quyết định đầu tư các dự án sử dụng ODA thuộc thẩm quyền.

c) Trình tự lập, thẩm định, quyết định đầu tư dự án hỗ trợ kỹ thuật, phi dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi:

Đối với các dự án hỗ trợ kỹ thuật và các khoản phi dự án thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố thì không tổ chức thẩm định. Chủ dự án gửi hồ sơ theo mẫu phụ lục VII của Nghị định số 16/2016/NĐ-CP đến Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố căn cứ vào Quyết định chủ trương đầu tư để phê duyệt văn kiện dự án, phi dự án và quyết định đầu tư.

Điều 16. Thời gian thẩm định và quyết định đầu tư chương trình, dự án

1. Trong quá trình thẩm định, cơ quan thẩm định xem xét trình tự, thủ tục và tiến độ thẩm định của nhà tài trợ để đảm bảo sự phối hợp và hài hòa cần thiết, xem xét các nội dung đã thỏa thuận với nhà tài trợ, ý kiến thẩm định của nhà tài trợ hoặc đại diện của nhà tài trợ.

Trường hợp hồ sơ thẩm định không đáp ứng yêu cầu quy định tại Điều 28 của Nghị định số 16/2016/NĐ-CP, cơ quan thẩm định có quyền yêu cầu chủ dự án giải trình, bổ sung hồ sơ và trong trường hợp cần thiết có thể tổ chức hội nghị thẩm định hoặc các cuộc họp để làm rõ các nội dung thẩm định theo quy định.

2. Thời gian thẩm định văn kiện chương trình, dự án tính từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ:

- a) Đối với dự án đầu tư nhóm A: không quá 40 ngày;
- b) Đối với dự án đầu tư nhóm B: không quá 30 ngày;
- c) Đối với dự án đầu tư nhóm C và chương trình, dự án khác: không quá 20 ngày.

3. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo thẩm định của cơ quan, đơn vị được giao thẩm định, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, phê duyệt văn kiện chương trình, dự án và quyết định đầu tư chương trình, dự án.

4. Trong thời hạn 5 ngày làm việc kể từ ngày Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố ban hành quyết định đầu tư chương trình, dự án, Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố thông báo cho nhà tài trợ nước ngoài và chủ dự án về quyết định đầu tư chương trình, dự án, đồng thời gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính và các cơ quan có liên quan Quyết định đầu tư chương trình, dự án (bản gốc hoặc bản sao có công chứng) kèm theo văn kiện chương trình, dự án đã được phê duyệt có đóng dấu giáp lai của Ủy ban nhân dân thành phố để giám sát và phối hợp thực hiện.

Chương IV**LẬP, THẨM ĐỊNH, PHÊ DUYỆT VÀ GIAO KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ
CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN ODA, VỐN VAY ƯU ĐÃI****Điều 17. Lập, thẩm định, phê duyệt kế hoạch tổng thể thực hiện chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi, vốn đối ứng**

1. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày ký kết điều ước quốc tế cụ thể, thỏa thuận về vốn ODA, vốn vay ưu đãi, căn cứ văn kiện chương trình, dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, quyết định đầu tư chương trình, dự án và điều ước quốc tế cụ thể, thỏa thuận về vốn ODA, vốn vay ưu đãi đối với chương trình, dự án, chủ dự án phối hợp với nhà tài trợ nước ngoài lập kế hoạch tổng thể thực hiện chương trình, dự án gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt kế hoạch tổng thể thực hiện chương trình, dự án.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư làm cơ quan đầu mối tiếp nhận, tổng hợp kế hoạch tổng thể thực hiện chương trình, dự án của chủ dự án; trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm định và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, phê duyệt làm cơ sở để chủ dự án triển khai thực hiện chương trình, dự án.

3. Trong thời hạn 5 ngày làm việc kể từ ngày phê duyệt kế hoạch tổng thể thực hiện chương trình, dự án, Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố có trách nhiệm gửi Quyết định phê duyệt kèm theo kế hoạch tổng thể thực hiện chương trình, dự án cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, các cơ quan có liên quan và nhà tài trợ nước ngoài phục vụ công tác giám sát, đánh giá và phối hợp thực hiện chương trình, dự án.

Điều 18. Lập, thẩm định, phê duyệt và giao kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm vốn ODA, vốn vay ưu đãi, vốn đối ứng

1. Kế hoạch đầu tư công trung hạn được lập trong thời hạn 05 năm, phù hợp với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm của thành phố. Căn cứ kế hoạch tổng thể thực hiện chương trình, dự án đã được phê duyệt, chủ dự án lập kế hoạch thực hiện chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi, vốn đối ứng cho 05 năm tiếp theo với nội dung được quy định tại Điều 52 của Luật Đầu tư công và gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư trước ngày 15 tháng 10 năm thứ tư của kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn trước.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư làm cơ quan đầu mối tiếp nhận, tổng hợp, lập kế hoạch đầu tư công trung hạn của thành phố giai đoạn sau trước ngày 15 tháng 11 năm thứ tư của kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn trước, trình Ủy ban nhân dân thành phố xem xét trước ngày 30 tháng 11 năm thứ tư của kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn trước và trình Hội đồng nhân dân thành phố cho ý kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn sau, bao gồm chi tiết danh mục dự án sử dụng vốn vay ODA và vốn đối ứng bố trí cho từng dự án.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu cho Ủy ban nhân dân thành phố hoàn chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn sau gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính trước ngày 31 tháng 12 năm thứ tư của kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn trước.

4. Sau khi có ý kiến thẩm định của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Sở Kế hoạch và Đầu tư hoàn chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn của thành phố, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố trình Hội đồng nhân dân thành phố trước ngày 15 tháng 6 năm thứ năm của kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn trước và hoàn chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn sau gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính trước ngày 30 tháng 6 năm thứ năm của kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn trước.

Điều 19. Lập, thẩm định, phê duyệt và giao kế hoạch đầu tư công hàng năm vốn ODA, vốn vay ưu đãi, vốn đối ứng

1. Trên cơ sở kế hoạch tổng thể thực hiện chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi đã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt, căn cứ tình hình giải ngân thực tế và kế hoạch giải ngân theo điều ước quốc tế cụ thể, thỏa thuận về vốn ODA, vốn vay ưu đãi đối với chương trình, dự án, chủ dự án lập kế hoạch thực hiện chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi, vốn đối ứng hàng năm trình Sở Kế hoạch và Đầu tư trước ngày 10 tháng 7 hàng năm để Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm định trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt trước ngày 20 tháng 7 hàng năm. Kế hoạch thực hiện chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi, vốn đối ứng hàng năm là một phần kế hoạch đầu tư công hàng năm.

2. Sau khi được Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt, chủ dự án có trách nhiệm xây dựng kế hoạch thực hiện hàng quý phục vụ công tác điều hành, giám sát và đánh giá tình hình thực hiện chương trình, dự án gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư trước ngày 10 tháng đầu tiên của quý sau để tổng hợp, theo dõi.

Chương V

QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ VỐN ODA, VỐN VAY ƯU ĐÃI

Điều 20. Nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Kế hoạch và Đầu tư

Sở Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan đầu mối giúp Ủy ban nhân dân thành phố thống nhất quản lý nhà nước về các nguồn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và nguồn vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ. Sở Kế hoạch và Đầu tư có nhiệm vụ và quyền hạn sau:

1. Là cơ quan đầu mối về vận động, điều phối, quản lý và sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi.

2. Là cơ quan đầu mối phối hợp với các Sở ngành tham mưu cho Ủy ban nhân dân thành phố về việc đàm phán Hiệp định với Nhà tài trợ.

3. Chủ trì soạn thảo, trình Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quyết định về quản lý và sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi theo thẩm quyền.

4. Chủ trì chuẩn bị nội dung và tổ chức vận động, điều phối vốn ODA, vốn vay ưu đãi theo thẩm quyền; tổng hợp và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố lựa chọn các đề xuất chương trình, dự án sử dụng vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi làm cơ sở để trình Bộ Kế hoạch và Đầu tư theo quy định tại Khoản 3 Điều 13 Nghị định số 16/2016/NĐ-CP.

5. Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính:

a) Tổng hợp và lập kế hoạch thực hiện chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi trung hạn 05 năm, kế hoạch thực hiện chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi hàng năm của thành phố; cân đối đầy đủ và bố trí vốn đối ứng từ nguồn ngân sách hàng năm để chuẩn bị thực hiện và thực hiện đối với chương trình, dự án đầu tư trong kế hoạch vốn hàng năm.

b) Xử lý nhu cầu bổ sung vốn trong kế hoạch vốn hàng năm của chương trình, dự án sử dụng vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi theo quy định.

6. Thực hiện giám sát và đánh giá chương trình, dự án sử dụng vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi theo quy định của pháp luật về giám sát và đánh giá đầu tư công và quản lý, sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi.

7. Làm đầu mối giải quyết khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện chương trình, dự án những vấn đề liên quan đến nhiều cơ quan ban ngành để đảm bảo tiến độ thực hiện và thúc đẩy giải ngân vốn ODA, vốn vay ưu đãi; kiến nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố giải quyết xử lý các vấn đề về vốn ODA, vốn vay ưu đãi thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố.

Trong trường hợp cần thiết, chủ trì thành lập đoàn công tác liên ngành làm việc trực tiếp với chủ dự án để xem xét, đánh giá và giải quyết kịp thời những vướng mắc theo thẩm quyền.

8. Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố, Bộ Kế hoạch và Đầu tư báo cáo tổng hợp theo định kỳ (Quý, 6 tháng, năm) và đột xuất về tình hình vận động, quản lý và sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi; kiến nghị các giải pháp nhằm tháo gỡ khó khăn trong quá trình thực hiện chương trình dự án.

9. Chủ trì tổ chức họp giao ban với các Ban Quản lý dự án, chủ dự án hàng quý.

10. Tham gia các đoàn đàm phán, ký kết điều ước quốc tế cụ thể về vốn ODA, vốn vay ưu đãi theo yêu cầu.

Điều 21. Nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Tài chính

1. Hướng dẫn chuẩn bị nội dung liên quan đến điều kiện sử dụng vốn, cơ chế tài chính trong nước, quản lý tài chính của chương trình, dự án; công tác thẩm định tài chính các dự án vay lại.

2. Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm định nguồn vốn ODA, vốn vay ưu đãi, vốn đối ứng và khả năng cân đối các nguồn vốn này.

3. Bố trí vốn ngân sách nhà nước và các nguồn vốn khác để trả nợ các khoản vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi khi đến hạn.

4. Tổng hợp theo định kỳ (Quý, 6 tháng, 1 năm) số liệu giải ngân, rút vốn và trả nợ đối với vốn ODA; vốn vay ưu đãi báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố, Bộ Tài chính và thông báo cho các cơ quan khác có liên quan.

5. Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp và lập kế hoạch thực hiện chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi, vốn đối ứng trung hạn 05 năm, kế hoạch thực hiện chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi, vốn đối ứng hàng năm của thành phố; xử lý nhu cầu bổ sung vốn trong kế hoạch vốn hàng năm của chương trình, dự án.

6. Quản lý nhà nước đối với công tác tổ chức hạch toán, kế toán ngân sách nhà nước nguồn vốn ODA, tổng hợp số liệu rút vốn, thanh toán và trả nợ đối với chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố, các cơ quan Bộ - ngành Trung ương; thẩm định và trình duyệt quyết toán đầu tư các dự án ODA theo quy định.

7. Phối hợp cùng Kho bạc Nhà nước, các tổ chức tín dụng có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố quy định cụ thể về quy trình thực hiện các thủ tục giải ngân cho các dự án sử dụng vốn ODA nhằm bảo đảm thực hiện đúng các hợp đồng đã ký.

8. Phối hợp với Cục Thuế thành phố hướng dẫn thực hiện chính sách thuế đối với các chương trình, dự án; quản lý vốn và tài sản của các dự án.

Điều 22. Nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Nội vụ

1. Là cơ quan đầu mối phối hợp với các Sở - ngành liên quan tham mưu để Ủy ban nhân dân thành phố bố trí nhân sự chủ chốt cho các chương trình, dự án ODA, hướng dẫn các thủ tục giải thể các tổ chức đã kết thúc nhiệm vụ đối với dự án sử dụng vốn ODA.

2. Thẩm định trình Ủy ban nhân dân thành phố ban hành tiêu chuẩn năng lực và nghiệp vụ đối với các chức danh chủ chốt của các chủ dự án, Ban Quản lý dự án sử dụng vốn ODA quan trọng theo đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Xây dựng và các cơ quan liên quan làm cơ sở cho việc bố trí, các tiêu chí và chế độ đánh giá năng lực thực hiện công tác bồi dưỡng để nâng cao năng lực cho các chủ dự án, Ban Quản lý dự án ODA của thành phố.

Điều 23. Nhiệm vụ, quyền hạn của các Sở quản lý chuyên ngành

1. Thực hiện chức năng quản lý nhà nước theo chuyên ngành, giải quyết các kiến nghị của các chủ dự án thuộc thẩm quyền xử lý của ngành trong thời hạn được quy định. Bố trí nhân sự thực hiện công tác theo dõi về ODA để đảm bảo yêu cầu quản lý nhà nước và phối hợp với các dự án sử dụng vốn ODA trong phạm vi ngành phụ trách.

2. Phối hợp với Sở Nội vụ đề xuất bố trí nhân sự chủ chốt cho các dự án sử dụng vốn ODA quan trọng thuộc lĩnh vực ngành phụ trách.

Điều 24. Ủy ban nhân dân các quận - huyện

1. Phối hợp với các chủ dự án triển khai các công tác liên quan đến bồi thường, giải phóng mặt bằng trên địa bàn quận - huyện quản lý, bảo đảm tiến độ thực hiện của dự án. Xử lý các vấn đề có liên quan đến công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng và tái định cư theo thẩm quyền giải quyết đã được Ủy ban nhân dân thành phố quy định.

2. Phối hợp với các chủ dự án nghiên cứu đề xuất các vấn đề liên quan đến dân cư, cộng đồng, quy hoạch, bảo vệ môi trường trên địa bàn trong quá trình thực hiện dự án.

Điều 25. Chế độ báo cáo tình hình tiếp nhận và sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi

1. Chủ dự án có trách nhiệm xây dựng và trình các báo cáo về tình hình thực hiện chương trình, dự án để gửi Ủy ban nhân dân thành phố, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, Bộ quản lý ngành liên quan và nhà tài trợ theo quy định tại Điều 23 của Thông tư số 12/2016/TT-BKHĐT.

Bộ mẫu biểu báo cáo gồm các mẫu biểu báo cáo quý I, 6 tháng, quý II và cả năm theo mẫu IV-GSDG 1, báo cáo giám sát đánh giá trước khi khởi công theo mẫu IV-GSDG 2, báo cáo giám sát đánh giá khi điều chỉnh dự án theo mẫu IV-GSDG 3 và báo cáo kết thúc chương trình, dự án theo mẫu IV-GSDG 4 trong phụ lục IV của Thông tư số 12/2016/TT-BKHĐT.

2. Chậm nhất 20 ngày sau mỗi quý, Sở Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan tham mưu cho Ủy ban nhân dân thành phố lập báo cáo tổng hợp về tình hình vận động, tiếp nhận và sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi, báo cáo đánh giá chương trình, dự án thuộc thẩm quyền quản lý theo mẫu IV-GSDG 5 trong phụ lục IV của Thông tư số 12/2016/TT-BKHĐT gửi cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính và Bộ Ngoại giao theo quy định.

Điều 26. Giải quyết các vấn đề phát sinh

1. Khi phát sinh các vấn đề có liên quan thuộc thẩm quyền giải quyết của các Sở - ngành, chủ dự án có văn bản gửi cho các Sở - ngành có thẩm quyền xem xét giải quyết, đồng gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư để theo dõi. Trong thời hạn 07 ngày làm việc, các cơ quan có trách nhiệm phải có văn bản trả lời hoặc có văn bản đề xuất với Ủy ban nhân dân thành phố về biện pháp giải quyết.

2. Đối với các kiến nghị của chủ dự án thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân thành phố, trong thời hạn 07 ngày làm việc sau khi nhận được ý kiến chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố, các Sở - ngành được giao nhiệm vụ đề xuất phải có văn bản báo cáo cho Ủy ban nhân dân thành phố. Nếu vấn đề cần xử lý thuộc thẩm quyền của các Bộ - ngành Trung ương, các Sở quản lý chuyên ngành là cơ quan đề xuất và dự thảo văn bản cho Ủy ban nhân dân thành phố gửi Bộ - ngành Trung ương. Đối với những vấn đề phát sinh cần có ý kiến của nhà tài trợ trước khi trình Ủy ban nhân dân thành phố xem xét quyết định thì chủ dự án có trách nhiệm lấy ý kiến của nhà tài trợ và báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố ý kiến đề xuất của chủ dự án về biện pháp giải quyết.

3. Hàng quý, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tổ chức họp giao ban với các chủ dự án và Ban quản lý các dự án và các đơn vị có liên quan để đánh giá tình hình triển khai các dự án và xem xét các vướng mắc của các dự án, tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố.

Điều 27. Giải ngân

Chủ dự án là người chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân thành phố về khối lượng thực hiện để thanh toán cho nhà thầu. Chủ dự án trình Ủy ban nhân dân thành phố kế hoạch giải ngân hàng năm để tổng hợp và báo cáo theo hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Chủ dự án chịu trách nhiệm thực hiện thủ tục giải ngân đúng theo quy định về thời gian đã cam kết với nhà tài trợ.

Sở Tài chính, Kho bạc Nhà nước thành phố là cơ quan tham mưu giúp cho Ủy ban nhân dân thành phố kiểm tra việc thực hiện các chế độ tài chính và thanh toán khối lượng giải ngân cho dự án./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Thành Phong